



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Bia Sài Gòn - Hà Nội

Ngày 30/09/2025	19,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	12.1%	7.2%	-

DT thuần Q3/25
158
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 21.0 15.3%
YoY: ▼ 15.0 -8.7%

LN thuần Q3/25
17.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.20 113%
YoY: ▲ 1.20 7.6%

LN sau thuế Q3/25
13.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.04 104%
YoY: ▲ 1.00 7.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
11.1%
YoY: +/- ▲ 5.0%

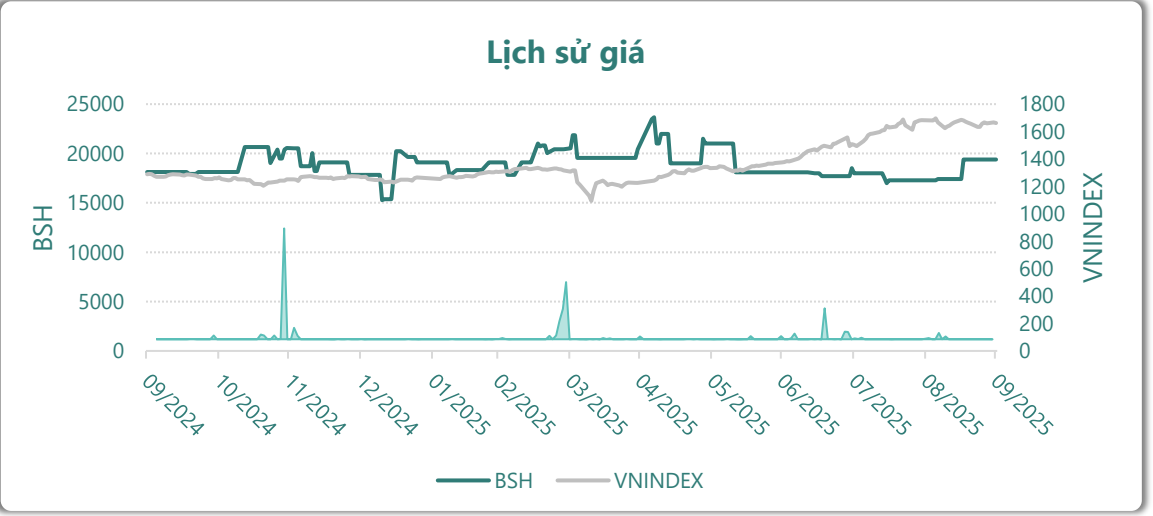
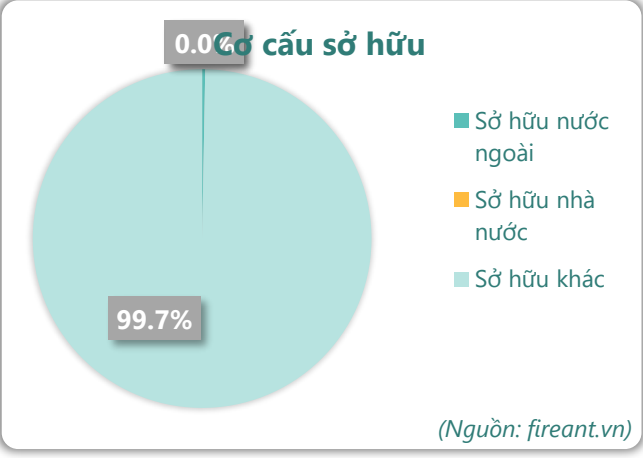
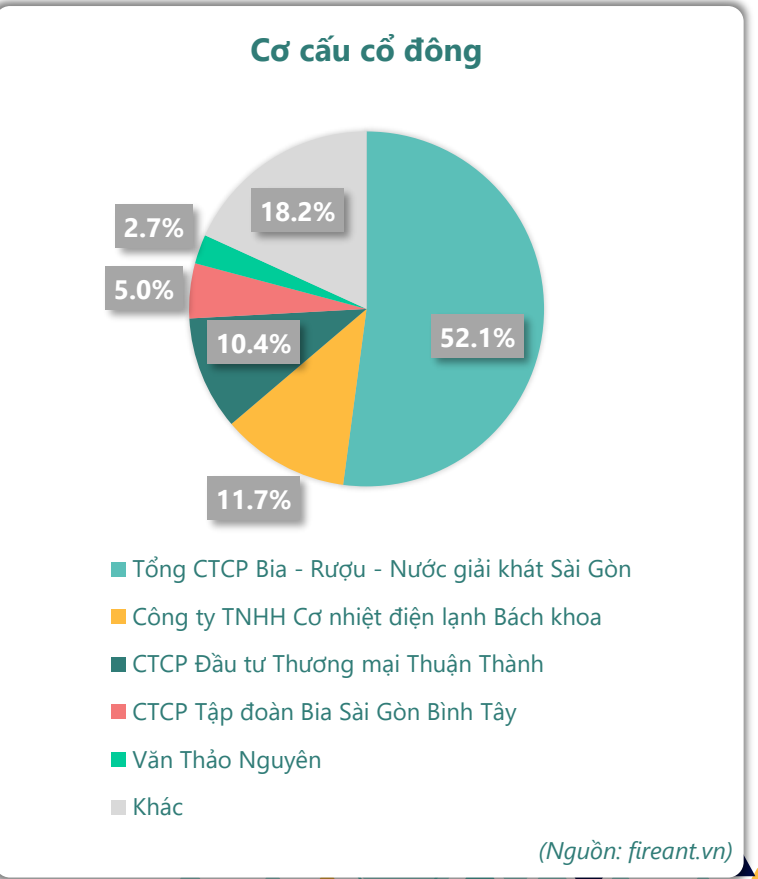
ROE (TTM) Q3/25
8.5%
YoY: +/- ▼ 0.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	15,273 - 23,673
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	349
Số lượng CPLH (CP)	18,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	350
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.34
EPS	1,483
P/E	13.1

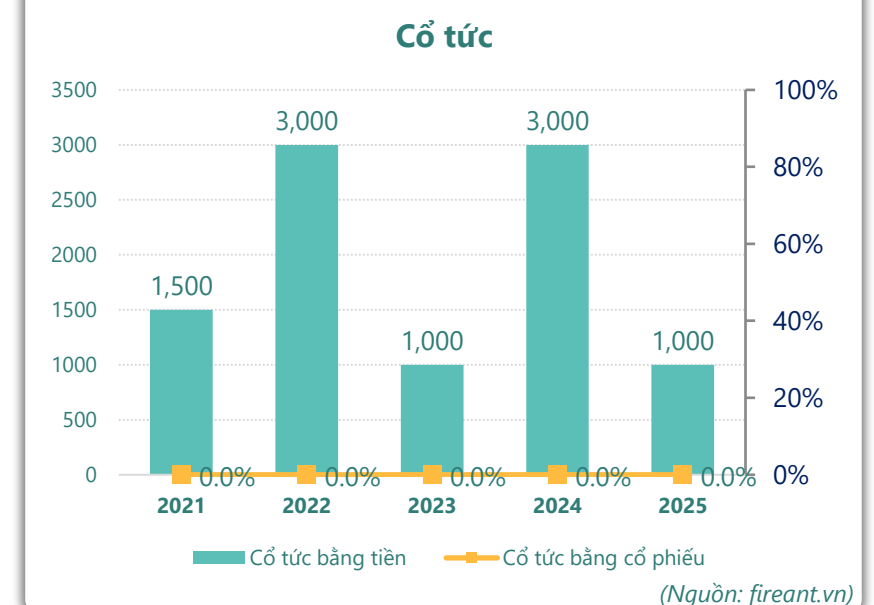
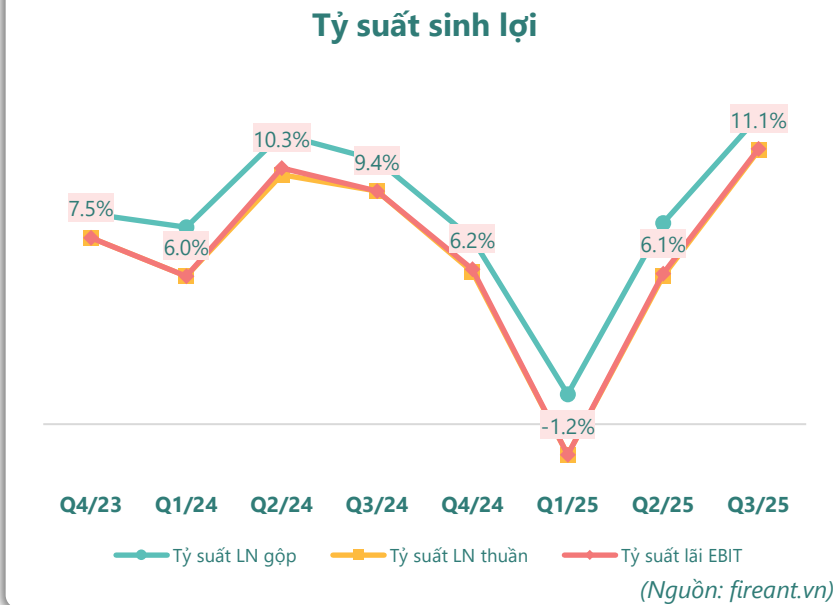
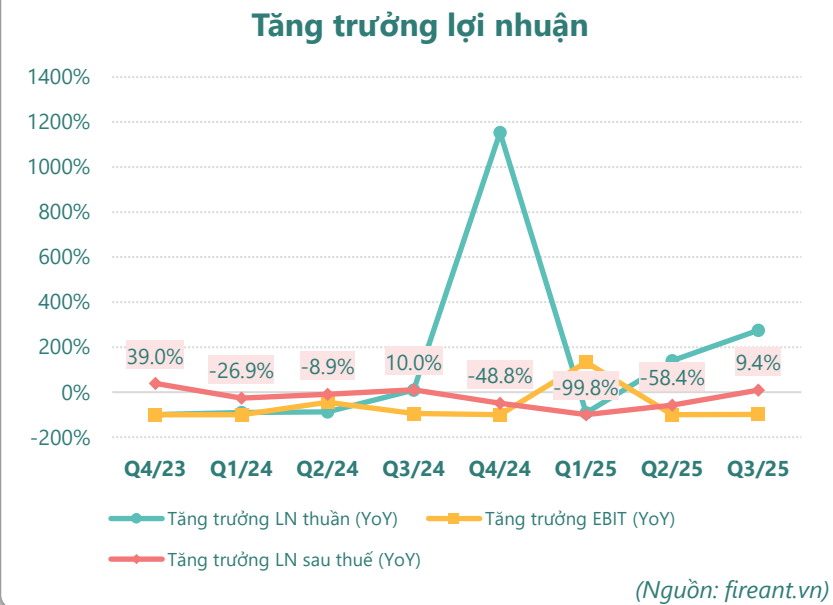
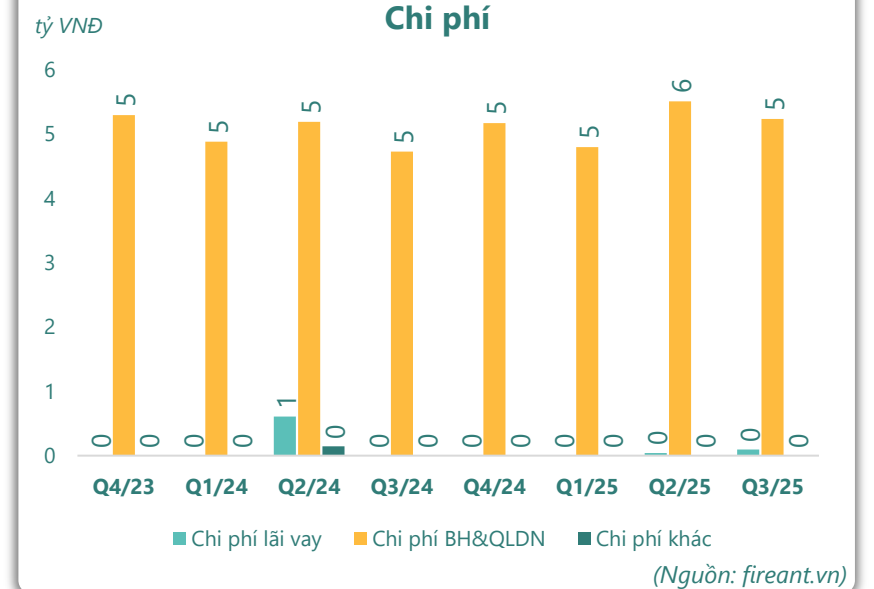
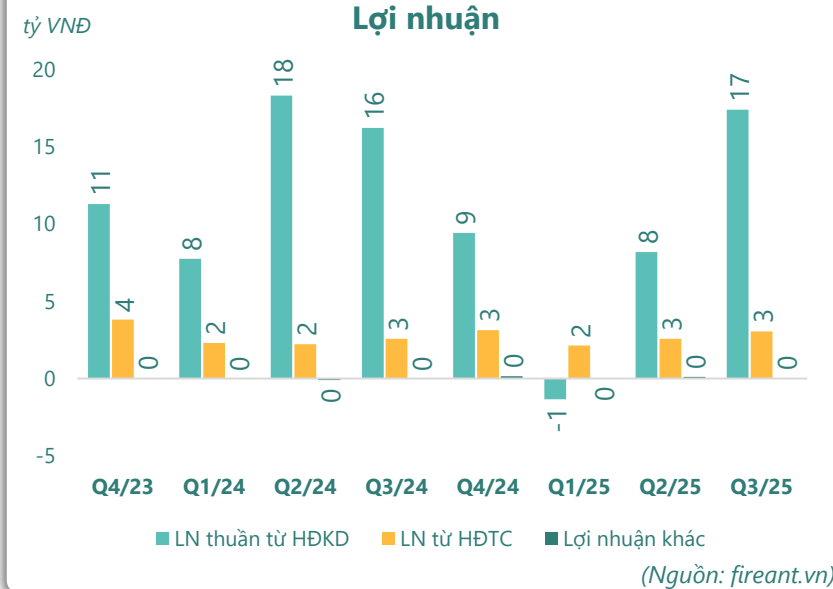
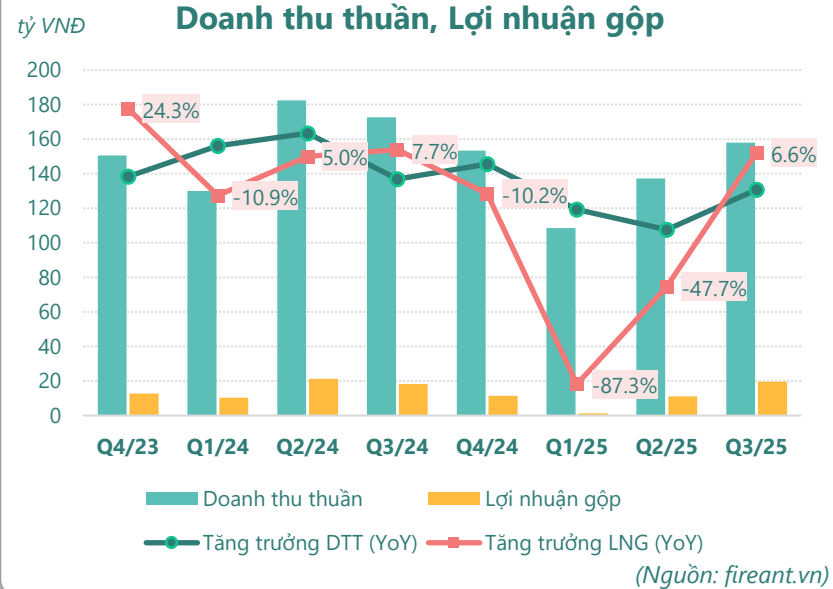
DT thuần 9T 2025
404
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 81.0 -16.7%

LN thuần 9T 2025
24.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 18.0 -42.6%

LN sau thuế 9T 2025
19.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 14.3 -42.7%



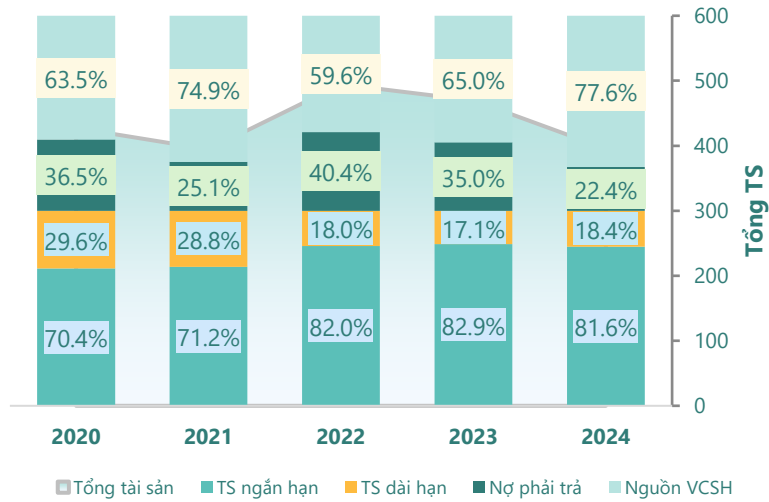
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

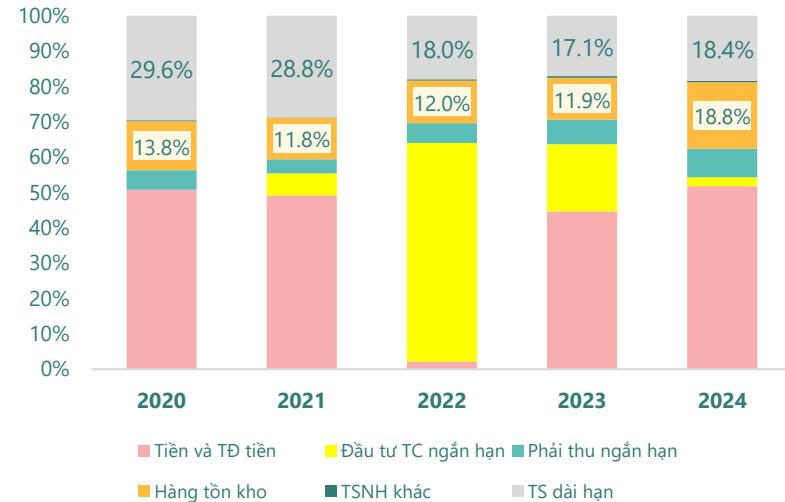
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

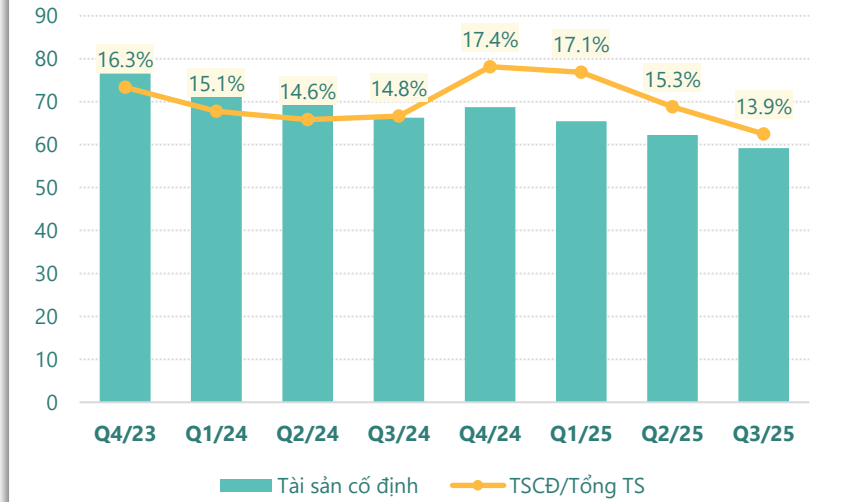
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

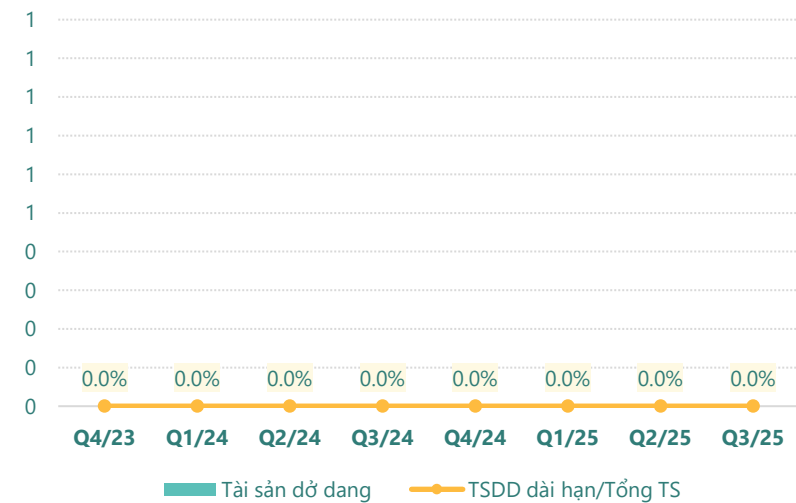
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

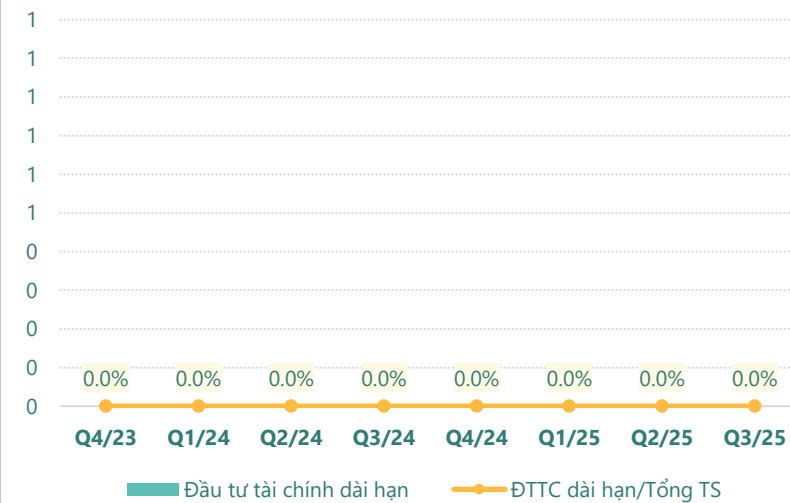
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

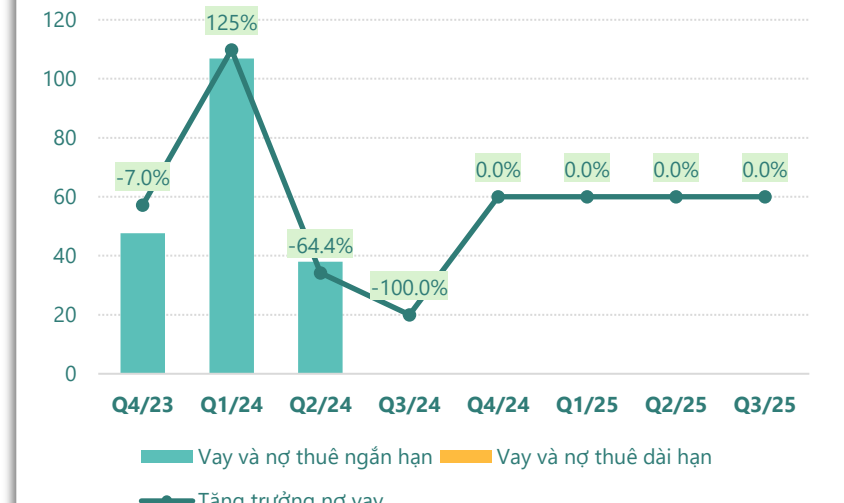
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

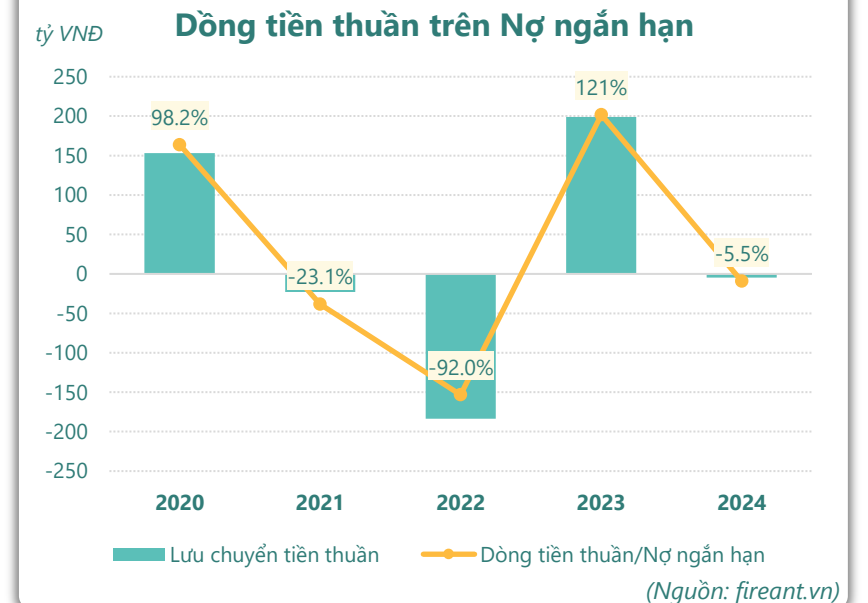
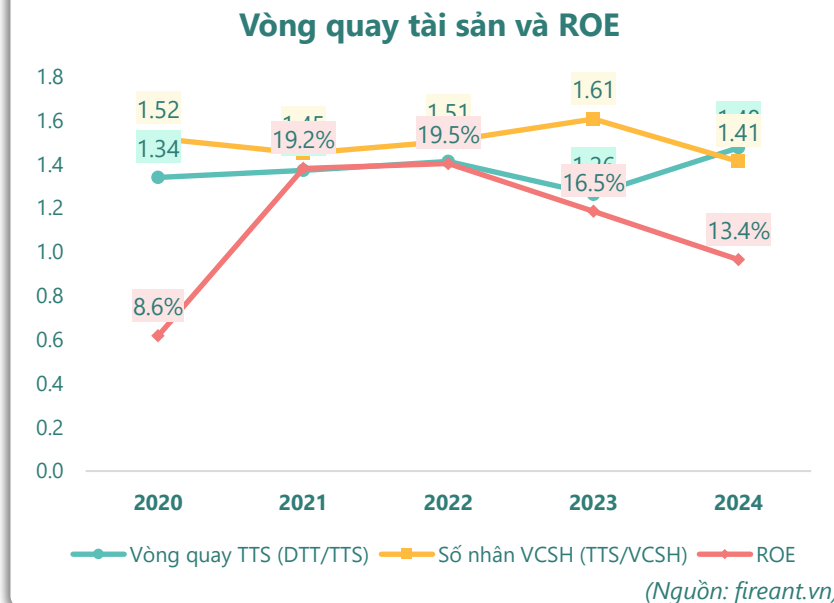
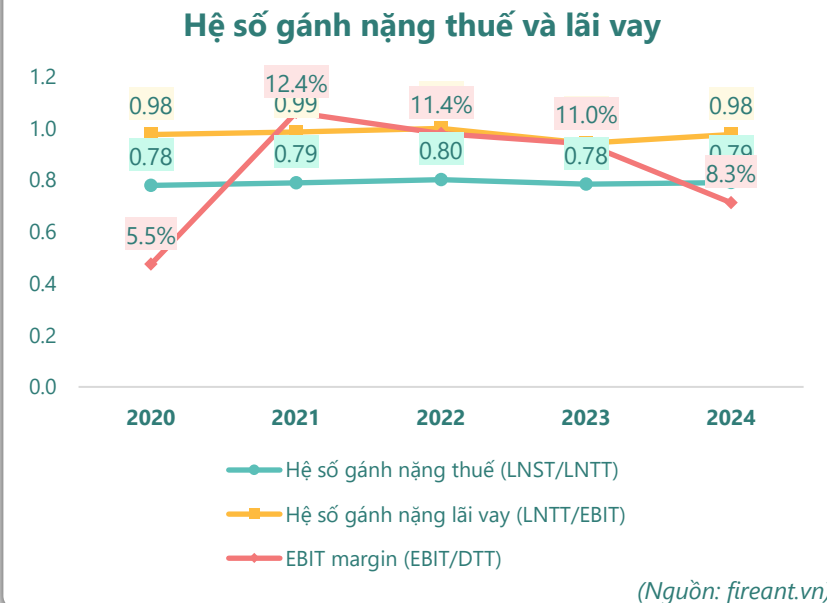
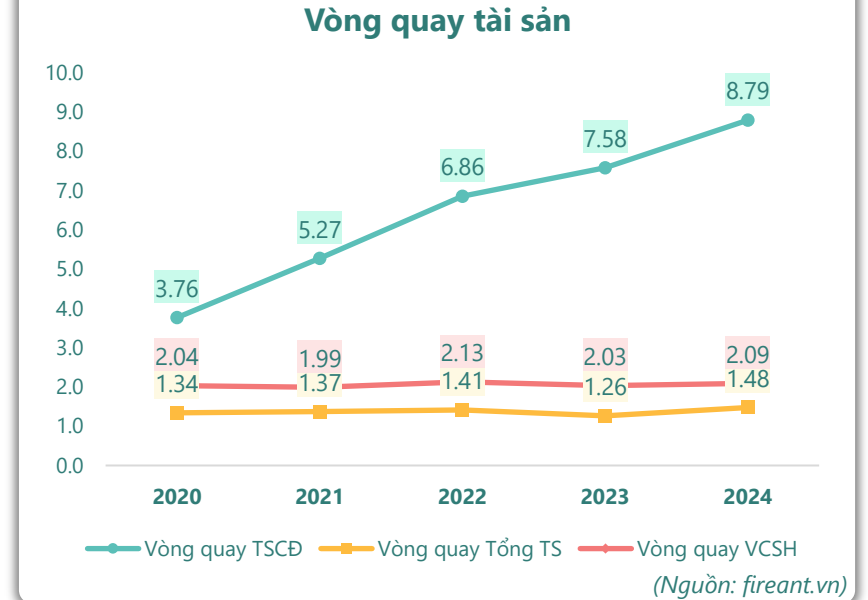
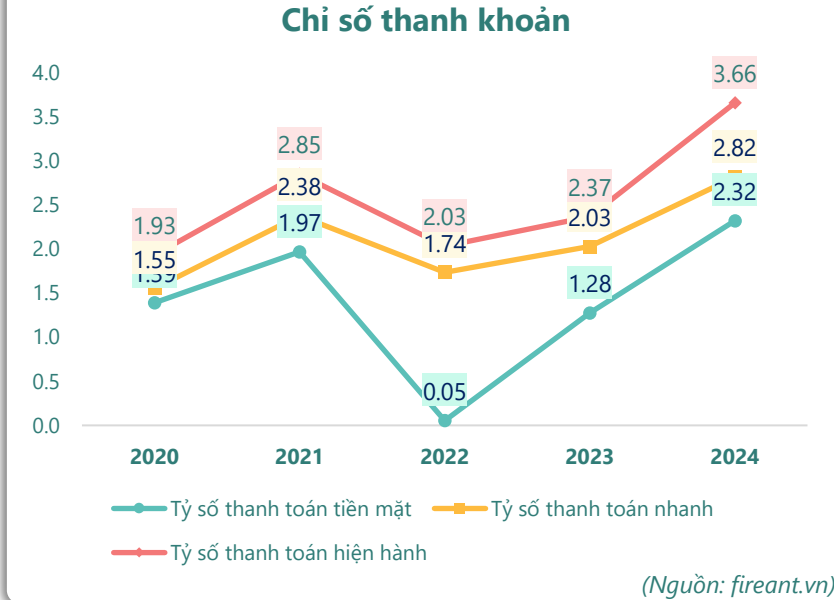
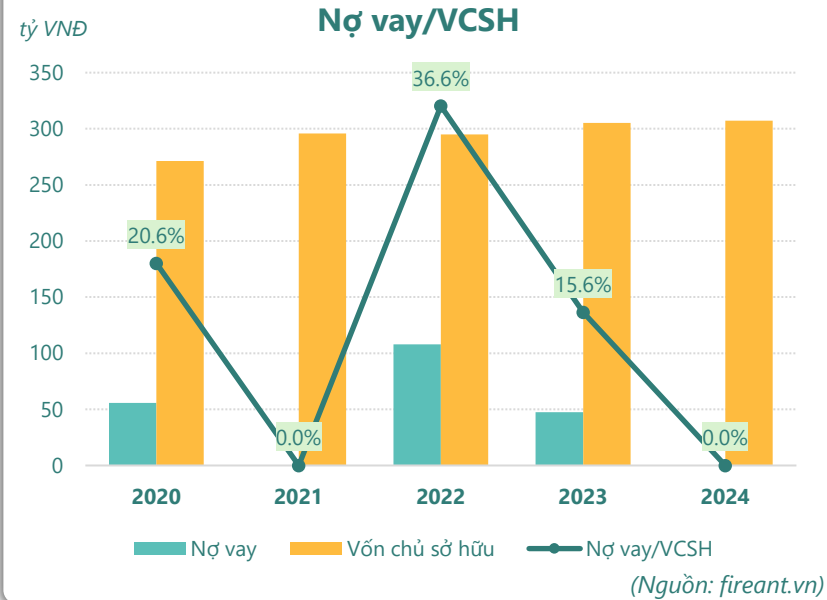
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	158	173	-8.7%	404	485	-16.7%
Giá vốn hàng bán	138	154	-10.2%	372	435	-14.5%
Lợi nhuận gộp	19.6	18.4	6.6%	32.1	50.0	-35.9%
Doanh thu HĐTC	3.16	2.58	22.4%	7.93	8.41	-5.7%
Chi phí TC	0.10	0.00		0.14	1.29	-89.3%
Chi phí lãi vay	0.10	0.00		0.14	0.61	-77.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.65	0.76	-14.1%	2.03	2.03	-0.2%
Chi phí QLDN	4.58	3.97	15.5%	13.5	12.8	5.9%
LN thuần từ HĐKD	17.4	16.2	7.6%	24.3	42.3	-42.6%
Lợi nhuận khác	0.01	0.00		0.11	-0.10	208%
LN trước thuế	17.4	16.2	7.7%	24.4	42.2	-42.2%
Lợi nhuận sau thuế	13.8	12.8	7.7%	19.2	33.5	-42.7%
LNST của CĐ cty mẹ	13.8	12.8	7.7%	19.2	33.5	-42.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	56.8	22.9	-58.3	12.9	57.9	28.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	33.6	280	-2.66	-34.7	-6.39	-223
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-68.4	-47.8	-17.9	-0.03	-18.0	-0.02
Tiền đầu kỳ	6.37	28.4	284	205	183	216
Lưu chuyển tiền thuần	22.0	255	-78.8	-21.9	33.6	-195
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	28.4	284	205	183	216	21.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	426	396	7.8%
Tài sản ngắn hạn	363	323	12.6%
Tiền và tương đương tiền	21.9	205	-89.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	281	10.0	2710%
Phải thu ngắn hạn	9.12	31.9	-71.4%
Hàng tồn kho	50.2	74.3	-32.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.12	1.66	-32.5%
Tài sản dài hạn	63.0	72.8	-13.5%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	59.2	68.7	-13.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.78	4.14	-8.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	121	88.5	36.3%
Nợ ngắn hạn	120	88.2	36.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	14.6	15.2	-3.7%
Nợ dài hạn	0.34	0.25	36.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	306	307	-0.4%
Vốn chủ sở hữu	306	307	-0.4%
Vốn điều lệ	180	180	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

